

SỞ TÀI CHÍNH HÀ TĨNH
CÔNG VĂN ĐẾN
Ngày: 23 -03- 2017
Số:.....
Chuyên:.....3333.....

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ HÀ TĨNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
ĐÃ NHẬN
Ngày 29 tháng 3 năm 2017



CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161, Xuân Diệu, P. Bắc Hà, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36

2
16
11
11
11

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đình Hòa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10/05/2016)
Ông Nguyễn Duy Bằng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10/05/2016)
Bà Nguyễn Thị Ánh	Ủy viên
Ông Lê Việt Sơn	Ủy viên
Ông Đậu Văn Tám	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Bằng	Giám đốc
Ông Trần Đình Hòa	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 114 -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2015 đến ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 20/04/2016 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Đặng Thị Thu Huyền
Kiểm toán viên

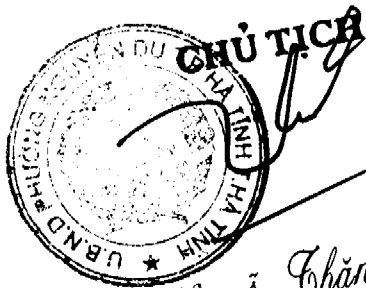
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển số.....-SCT/BS

30-11-2018



Nguyễn Thăng Long



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.772.308.849	69.581.769.150
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.027.773.384	4.686.510.787
1. Tiền	111	V.1.	16.047.113.160	904.866.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.980.660.224	3.781.644.339
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.027.946.981	18.672.371.297
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	21.027.946.981	18.672.371.297
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.537.824.809	40.501.213.360
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	40.262.325.798	39.280.157.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	2.033.566.000	66.553.368
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	1.596.897.459	1.467.367.292
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(354.964.448)	(312.864.698)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	2.063.139.369	5.622.423.390
1. Hàng tồn kho	141		2.063.139.369	5.622.423.390
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		115.624.306	99.250.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	115.624.306	99.250.316
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.770.717.174	149.543.335.199
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.171.302.734	6.984.750.925
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	5.171.302.734	6.984.750.925
II. Tài sản cố định	220		131.587.855.110	140.626.539.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	131.587.855.110	140.626.539.177
- Nguyên giá	222		188.904.801.054	186.798.335.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.316.945.944)	(46.171.796.659)
III. Bất động sản đầu tư	230		1.723.482.833	-
- Nguyên giá	231		2.720.134.110	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(996.651.277)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10.	2.106.256.727	1.623.693.088
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.106.256.727	1.623.693.088
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		181.819.770	308.352.009
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	181.819.770	308.352.009
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		228.543.026.023	219.125.104.349

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

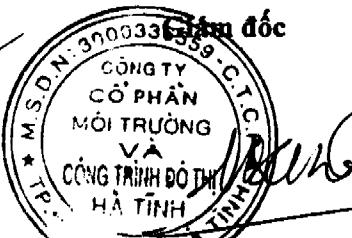
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
C NỢ PHẢI TRẢ	300		48.291.584.747	51.560.377.031
I. Nợ ngắn hạn	310		26.468.382.234	25.552.221.465
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	1.722.200.475	1.706.994.148
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	20.000.000	599.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	998.576.011	1.213.785.169
4. Phải trả người lao động	314		11.705.412.316	11.167.678.016
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	1.102.315.311	1.027.795.135
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18.	178.863.637	162.045.456
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	2.138.837.840	1.865.324.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	1.340.893.850	1.340.893.850
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19.	5.245.054.227	4.657.120.060
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.016.228.567	1.811.585.420
II. Nợ dài hạn	330		21.823.202.513	26.008.155.566
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16.	2.534.514.371	3.565.125.383
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	5.209.302.734	7.022.750.925
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.	14.079.385.408	15.420.279.258
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.251.441.276	167.564.727.318
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20.	180.251.441.276	167.564.727.318
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.383.820.000	164.383.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.383.820.000	164.383.820.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		954.272.195	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.913.349.081	3.180.907.318
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.510.930.976	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.402.418.105	3.180.907.318
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		10.000.000.000	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			228.543.026.023	219.125.104.349

CHỮNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số công khai: 400/Quyết số 440...SCT/BS

30-11-2018

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh

Chủ tịch

Nguyễn Duy Bằng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


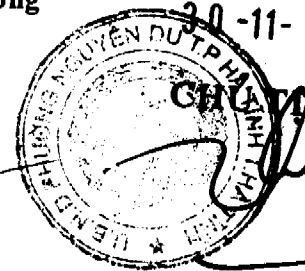


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	91.269.570.621	90.537.100.071
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	133.297.452	83.212.728
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		91.136.273.169	90.453.887.343
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	77.462.081.733	77.758.043.077
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.674.191.436	12.695.844.266
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	1.270.242.904	1.133.950.465
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	973.488.936	836.918.896
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		973.488.936	836.918.896
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	254.629.350	118.432.366
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	8.391.150.296	8.226.830.544
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		5.325.165.758	4.647.612.925
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	91.466.001	69.979.791
12. Chi phí khác	32	VI.7.	930.879.728	498.815.000
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(839.413.727)	(428.835.209)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.485.752.031	4.218.777.716
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	1.083.333.926	1.037.870.398
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.402.418.105	3.180.907.318
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		160,41	149,97

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 02 năm 2017
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH
 Số chứng thực..... Quyền số..... SCT/BS
 Giám đốc

Kế toán trưởng

20-11-2018





Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Duy Bằng

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		95.580.391.656	70.800.850.358
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(34.939.891.891)	(38.803.904.958)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.097.078.497)	(22.480.945.850)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.929.579.772)	(1.567.107.750)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(909.110.710)	(1.033.017.957)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.346.741.256	4.894.245.623
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.724.579.254)	(24.222.583.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.326.892.788	(12.412.463.934)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.520.393.301)	(273.798.955)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		600.020.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.641.180.321
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		275.636.960	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.644.736.341)	(2.132.618.634)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(4.625)
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.340.893.850)	(1.340.893.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.340.893.850)	(1.340.898.475)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		16.341.262.597	(15.885.981.043)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.686.510.787	20.572.491.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		21.027.773.384	4.686.510.787

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

30/01/2017
Kế toán trưởng
CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Anh

Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH
Nguyễn Duy Bằng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty TNHH MTV Quản lý công trình Đô thị Hà Tĩnh theo quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 29/07/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý công trình đô thị Hà Tĩnh. Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần kể từ ngày 20/01/2015 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3000336559 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp. Công ty có 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 19/01/2015 thì vốn điều lệ của Công ty là **164.383.820.000 đồng** (Một trăm sáu mươi tư tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, hoạt động xây lắp, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng, thiết bị dịch vụ về vệ sinh môi trường, điện, cây xanh.

3. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ vệ sinh môi trường; quản lý khai thác sử dụng và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật; chăm sóc, duy tu các công trình cây xanh đô thị; duy tu bảo dưỡng giao thông đô thị, dịch vụ hút bùn, hút hầm vệ sinh; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Thiết kế cải tạo, làm mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, công viên cây xanh đô thị, giao thông đô thị; Tư vấn quản lý dự án; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Hoạt động các khu đất dùng cho tiêu hủy rác thải không độc hại; Tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro hoặc các sản phẩm cho mục đích khác; Sản xuất phân hữu cơ vi sinh; sản xuất phân hữu cơ sinh học; sản xuất phân hữu cơ khoáng, phân bón lá; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; tái chế phế liệu; Cho thuê văn phòng;

Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây có hạt chứa dầu;

Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; trồng cây hàng năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi khác.

Trụ sở công ty: Số 161, Xuân Diệu, P. Bắc Hà, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

Tổng số nhân viên lao động: 255 người

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ	Mã số thuế
Chi nhánh Thương mại và Dịch vụ Môi trường	Thôn 1 - Xã Cẩm Quan - Huyện Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	3000336559-001
Chi nhánh Chiếu sáng Đô thị	Số 161 đường Xuân Diệu - Phường Bắc Hà - Thành phố Hà Tĩnh - Hà Tĩnh	3000336559-002

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2015 đến ngày 31/12/2015 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần, do đó các số liệu, thông tin, dữ liệu tương ứng được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là các số liệu, thông tin, dữ liệu không mang tính so sánh được do khác nhau về độ dài của kỳ kế toán.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh

- Trong đó:

- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh
- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc và thiết bị	04 - 10
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 10 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là công trình xây dựng Lò đốt rác 72 tấn/ngày, công trình xây dựng khu vườn ươm...được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí liên quan phù hợp và chính sách kế toán mà công ty áp dụng.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước là giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã tiến hành đối chiếu số dư công nợ phải trả người bán đến từng đối tượng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay***Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản chi phí trích trước chi phí lãi vay trong thời gian ân hạn của hợp đồng vay dài hạn là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng phải trả bảo hành công trình xây dựng, trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ, dự phòng tiền lương được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Dự phòng tiền lương được Công ty trích lập 14,5% từ quỹ tiền lương năm 2016 để bổ sung cho quỹ tiền lương năm sau nhằm đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động.

Tại thời điểm 31/12/2016 Công ty lập thêm dự phòng phải trả theo số chênh lệch lớn hơn giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước về cho thuê văn phòng căn cứ trên quy định trong các hợp đồng kinh tế.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán hàng hóa, doanh thu dịch vụ công ích và dịch vụ khác, doanh thu hoạt động xây lắp và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo khối lượng công việc hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu và chấp nhận thanh toán, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi được quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ hoàn nhập chi phí bảo hành công trình, được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch nhỏ hơn giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

20. Nguyên tắc chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ

21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**21.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành, miễn thuế với với hoạt động công ích, thuế suất áp dụng là 5% đối với hoạt động bán cây, 10% với các hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	16.047.113.160	904.866.448
<i>Tiền mặt</i>	<i>316.625.800</i>	<i>62.389.800</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>15.730.487.360</i>	<i>842.476.648</i>
VND	15.730.487.360	842.476.648
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh</i>	<i>9.429.987.360</i>	<i>842.476.648</i>
<i>Phòng Giao dịch - Kho bạc nhà nước Hà Tĩnh</i>	<i>6.300.500.000</i>	-
Các khoản tương đương tiền	4.980.660.224	3.781.644.339
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	4.980.660.224	3.781.644.339
Cộng	21.027.773.384	4.686.510.787

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh	21.027.946.981	21.027.946.981	18.672.371.297	18.672.371.297
Cộng	21.027.946.981	21.027.946.981	18.672.371.297	18.672.371.297

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
UBND thành phố Hà Tĩnh	29.570.415.700	-	30.024.210.200	-
Phòng Tài nguyên môi trường huyện Cẩm Xuyên	4.484.099.000	-	-	-
Các đối tượng khác	6.207.811.098	354.964.448	9.255.947.198	312.864.698
Cộng	40.262.325.798	354.964.448	39.280.157.398	312.864.698

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Minh Phú Thịnh	900.000.000	-
Công ty CP Công nghệ môi trường ENVIC	900.000.000	-
Công ty Cổ phần EQS	33.000.000	33.000.000
Các đối tượng khác	200.566.000	33.553.368
Cộng	2.033.566.000	66.553.368

5. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.596.897.459	-	1.467.367.292	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.596.897.459	-	1.462.020.592	-
Phải thu lãi tiền gửi tạm tính	371.780.816	-	332.770.556	-
Phải thu UBND tỉnh Hà Tĩnh tiền trả nợ vay thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải	1.106.456.843	-	1.084.248.036	-
Phải thu UBND tỉnh tiền trả dự án nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải	118.657.800	-	-	-
Các đối tượng khác	2.000	-	45.002.000	-

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

<i>Tạm ứng</i>	-	-	5.346.700	-
Phạm Thị Minh			5.346.700	-
b) Dài hạn	5.171.302.734	-	6.984.750.925	-
<i>Phải thu khác</i>				
Phải thu UBND tỉnh Hà Tĩnh tiền trả nợ vay thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ từ	5.171.302.734	-	6.984.750.925	-
Cộng	1.596.897.459	-	1.467.367.292	-

6. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Hà	312.864.698	-	312.864.698	-
Tổ hợp tác số 1- UBND xã Thạch Lạc	49.207.500	14.762.250	-	-
Tổ hợp tác số 1- UBND xã Thạch Lạc	10.935.000	3.280.500	-	-
Cộng	373.007.198	18.042.750	312.864.698	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.020.643.418	-	626.596.267	-
Công cụ, dụng cụ	108.383.922	-	96.633.267	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	560.918.655	-	4.346.857.878	-
Thành phẩm	373.193.374	-	552.335.978	-
Cộng	2.063.139.369	-	5.622.423.390	-

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161, Xuân Diệu, P. Bắc Hà, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2016	77.422.094.702	85.436.947.173	23.828.428.879	110.865.082	186.798.335.836	
Mua trong năm	-	625.181.818	3.472.727.272	-	4.097.909.090	
Đầu tư XDCB hoàn thành	142.031.871	586.658.367	-	-	728.690.238	
Giảm khác (*)	(2.720.134.110)	-	-	-	(2.720.134.110)	
Số dư ngày 31/12/2016	74.843.992.463	86.648.787.358	27.301.156.151	110.865.082	188.904.801.054	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2016	8.577.250.627	18.415.530.565	19.113.462.277	65.553.190	46.171.796.659	
Khấu hao trong kỳ	3.660.580.372	6.086.646.485	2.383.467.371	11.106.334	12.141.800.562	
Giảm khác (*)	(996.651.277)	-	-	-	(996.651.277)	
Số dư ngày 31/12/2016	11.241.179.722	24.502.177.050	21.496.929.648	76.659.524	57.316.945.944	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	68.844.844.075	67.021.416.608	4.714.966.602	45.311.892	140.626.539.177	
Tại ngày 31/12/2016	63.602.812.741	62.146.610.308	5.804.226.503	34.205.558	131.587.855.110	

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.087.968.287 VND

(*) Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang Bất động sản đầu tư.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong	Giảm trong	Đơn vị tính: VND
				31/12/2016
Nguyên giá				
Nhà	-	2.720.134.110	-	2.720.134.110
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà	-	996.651.277	-	996.651.277
Giá trị còn lại				
Nhà	-	1.723.482.833	-	1.723.482.833

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Công trình nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải	-	1.207.403.267
Công trình lò đốt rác thứ cấp	-	387.486.185
Công trình xây dựng khu vườn ươm kết hợp bãi tập kết xà bần	28.803.636	28.803.636
Công trình Xây dựng Lò đốt rác 72 tấn/ngày	2.077.453.091	-
Cộng	2.106.256.727	1.623.693.088

11. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	115.624.306	99.250.316
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	115.624.306	99.250.316
b) Dài hạn	181.819.770	308.352.009
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	181.819.770	308.352.009
Cộng	297.444.076	407.602.325

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161, Xuân Diệu, P. Bắc Hà, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.340.893.850	1.340.893.850	1.340.893.850	1.340.893.850	1.340.893.850	1.340.893.850
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (*)	1.340.893.850	1.340.893.850	1.340.893.850	1.340.893.850	1.340.893.850	1.340.893.850
b) Vay dài hạn	14.079.385.408	14.079.385.408	-	1.340.893.850	15.420.279.258	15.420.279.258
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (*)	14.079.385.408	14.079.385.408	-	1.340.893.850	15.420.279.258	15.420.279.258
Tổng cộng	15.420.279.258	15.420.279.258	1.340.893.850	2.681.787.700	16.761.173.108	16.761.173.108

(*) Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 02/2015/HĐ - NHPT ngày 25/02/2015 giữa Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh kế thừa hiệp định vay phụ được ký ngày 05/05/2004 giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với Công ty Quản lý Công trình Đô Thị Hà Tĩnh (nay là Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh), căn cứ trên Hiệp định vay số 2034 VIE - (SF) ngày 06/02/2004 giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á về Dự án Cải thiện môi trường đô thị Miền Trung. Thời hạn cho vay là 20 năm, trong đó có 6 năm ân hạn tính từ thời điểm rút vốn của dự án, lãi suất cho vay là 5,4%/năm trên số dư nợ gốc vay.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 NGUYỄN VĂN AN
 CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 NGUYỄN VĂN AN

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Xây dựng Nam Trường	61.571.000	61.571.000	217.201.000	217.201.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tân Gia	225.436.000	225.436.000	364.200.000	364.200.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hợp Nhất	-	-	208.712.000	208.712.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại số 8 Hà Tĩnh	193.170.000	193.170.000	-	-
Các đối tượng khác	1.242.023.475	1.242.023.475	916.881.148	916.881.148
Cộng	1.722.200.475	1.722.200.475	1.706.994.148	1.706.994.148

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Tĩnh	-	579.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.000.000	20.000.000
Cộng	20.000.000	599.000.000

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2016
	Phải nộp			
Thuế GTGT đầu ra	915.249.789	4.550.125.430	4.995.270.562	470.104.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	237.870.398	1.083.333.925	909.110.710	412.093.613
Thuế thu nhập cá nhân	60.664.982	203.693.665	150.439.656	113.918.991
Thuế nhà đất, tiền thuê	-	538.551.850	536.093.100	2.458.750
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	1.213.785.169	6.380.704.870	6.595.914.028	998.576.011

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) <i>Ngắn hạn</i>	1.102.315.311	1.027.795.135
Trích trước chi phí lãi vay	1.102.315.311	1.027.795.135
b) <i>Dài hạn</i>	2.534.514.371	3.565.125.383
Trích trước chi phí lãi vay	2.534.514.371	3.565.125.383
Cộng	3.636.829.682	4.592.920.518

17. Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) <i>Ngắn hạn</i>	2.138.837.840	1.865.324.211
Bảo hiểm xã hội	10.040.773	40.327.339
Nhận ký quỹ, ký cược	319.220.000	62.900.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Nợ vay ODA đầu tư thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ (*)	1.477.515.067	1.552.166.872
Phải trả UBND tỉnh - giá trị thanh toán quá cho các nhà thầu thi công dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt (**)	220.472.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	111.590.000	209.930.000
b) <i>Dài hạn</i>	5.209.302.734	7.022.750.925
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	38.000.000	38.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Nợ vay ODA đầu tư thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ (*)	5.171.302.734	6.984.750.925
Cộng	2.138.837.840	1.865.324.211

(*) Căn cứ Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2015/HĐ-NHPT ngày 25/2/2015 giữa Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh kế thừa quyền và nghĩa vụ từ hợp đồng vay vốn ODA số 01/2012/HDODA-NHPT ngày 20/3/2012 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý công trình đô thị Hà Tĩnh (nay Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh) với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh: gốc vay 685.830,30 EUR, thời hạn vay 12,5 năm, thời gian ân hạn 1,5 năm tính từ ngày 05/05/2009, thời hạn trả nợ gốc 11 năm, lãi suất nợ trong hạn 0%/năm tính trên dư nợ vay, phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ. Kỳ hạn trả nợ gốc và phí là ngày 15/6 và 15/12 hàng năm, kỳ trả nợ gốc đầu tiên 15/12/2010, mức trả nợ gốc mỗi kỳ hạn là 31.419,11 EUR.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công văn số 1182/UBND-XD1 ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thực hiện dự án xử lý rác thải Hà Tĩnh, vay ODA Bì thì Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết bố trí ngân sách đầy đủ và kịp thời để chi trả các chi phí vốn vay phát sinh từ việc gia hạn thời gian giải ngân cho dự án và phí gia hạn thời gian rút vốn và đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch trả nợ vốn vay với Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Hiện tại, UBND tỉnh đang cấp kinh phí trả nợ dự án đúng kỳ hạn. Số dư nợ vay theo nguyên tệ: 282.771,99 EUR.

(**) Dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt được UBND tỉnh đầu tư. Bắt đầu khởi công từ tháng 9/2011. Dự án hoàn thành giai đoạn 1 đưa vào sử dụng từ tháng 10/2012 đồng thời tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 đến năm 2014 hoàn thành và được phê duyệt quyết toán tại quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 12/08/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Giá trị quyết toán hoàn thành: 155.067.150.000 đồng.

Giá trị Dự án Nhà máy đã tính và đưa vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp. Theo báo cáo quyết toán dự án, Công ty đang phải nộp trả ngân sách số tiền 101.814.200 đồng. Tuy nhiên, theo qui định Công ty không được bù trừ công nợ giữa các nhà thầu mà phải nộp toàn bộ giá trị các gói thanh toán quá sau đó UBND tỉnh sẽ chuyển lại để trả cho các nhà thầu. Do đó, công ty đang hạch toán là khoản phải thu phải trả khác. Cụ thể: khoản phải thu UBND tỉnh là 118.657.800 đồng và phải trả khác cho UBND tỉnh là 220.472.000 đồng.

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng		
<i>Công ty Cổ phần Thời trang Mixzin</i>	69.772.728	34.772.728
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Anh</i>	78.787.879	109.090.909
<i>Hoàng Minh Cát</i>	-	18.181.819
<i>Cửa hàng thiết bị điện Việt Anh</i>	30.303.030	-
Cộng	178.863.637	162.045.456

19. Dự phòng phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	320.054.227	180.961.300
Dự phòng tiền lương	4.925.000.000	4.096.971.000
Dự phòng phải trả tiền thuê đất	-	379.187.760
Cộng	5.245.054.227	4.657.120.060

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 20/01/2015	164.383.820.000	-	164.383.820.000
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	3.180.907.318	3.180.907.318
Số dư tại ngày 31/12/2015	164.383.820.000	3.180.907.318	167.564.727.318
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	3.402.418.105	3.402.418.105
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(715.704.147)	(715.704.147)
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	-	(954.272.195)	(954.272.195)
Số dư tại ngày 31/12/2016	164.383.820.000	4.913.349.081	169.297.169.081

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	155.417.820.000	155.417.820.000
Vốn góp của các cổ đông khác	8.966.000.000	8.966.000.000
Cộng	164.383.820.000	164.383.820.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	164.383.820.000	164.383.820.000
Vốn góp đầu năm	164.383.820.000	164.383.820.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	164.383.820.000	164.383.820.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.438.382	16.438.382
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu phổ thông	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu phổ thông	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu	-	-

đ) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2016	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	-	954.272.195	-	954.272.195
Cộng	-	954.272.195	-	954.272.195

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	1.498.212.209	1.619.819.413
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	73.480.048.473	70.220.317.163
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.053.126.784	603.953.493
Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.238.183.155	18.093.010.002
Cộng	91.269.570.621	90.537.100.071

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	133.297.452	83.212.728
Cộng	133.297.452	83.212.728

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.456.087.083	1.663.674.735
Giá vốn của dịch vụ công ích đã cung cấp	61.933.823.589	59.486.009.564
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	439.337.980	424.183.865
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	13.632.833.081	16.184.174.913
Cộng	77.462.081.733	77.758.043.077

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.270.242.904	1.133.950.465
Cộng	1.270.242.904	1.133.950.465

5. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	973.488.936	836.918.896
Cộng	973.488.936	836.918.896

6. Thu nhập khác

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	80.116.000	64.070.700
Tiền thu từ bán hồ sơ thầu	10.000.001	-
Thu nhập khác	1.350.000	5.909.091
Cộng	91.466.001	69.979.791

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí khác

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Quyết toán cắt giảm các công trình Xây dựng cơ bản	882.121.329	498.815.000
Nộp tiền truy thu thuế theo quyết định của Kiểm toán	48.758.399	-
Cộng	930.879.728	498.815.000

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>254.629.350</i>	<i>118.432.366</i>
Chi phí nhân viên	219.710.702	97.253.066
Chi phí vật liệu, bao bì	1.805.276	9.131.200
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.800.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.177.900	-
Chi phí bằng tiền khác	9.135.472	12.048.100
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>8.391.150.296</i>	<i>8.226.830.544</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.613.990.502	4.465.134.134
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	242.988.672	268.884.421
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	322.629.987	684.200.584
Chi phí khấu hao TSCĐ	390.010.018	337.364.374
Thuế, phí, lệ phí	164.364.090	426.672.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.871.519	1.277.863.153
Chi phí bằng tiền khác	1.436.295.508	766.711.362
Cộng	8.645.779.646	8.345.262.910

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	92.497.982.074	91.657.817.599
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>92.497.982.074</i>	<i>91.657.817.599</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	88.012.230.043	87.439.039.883
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>87.081.312.444</i>	<i>86.940.224.883</i>
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>930.917.599</i>	<i>498.815.000</i>

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.416.669.630	4.717.592.716
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.083.333.926	1.037.870.398
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.083.333.926	1.037.870.398

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.287.273.356	23.184.512.596
Chi phí nhân công	43.064.819.823	37.634.758.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.138.451.839	12.621.764.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.775.229.926	11.757.116.760
Chi phí khác bằng tiền	2.585.158.899	1.184.231.867
Cộng	85.850.933.843	86.382.383.738

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.402.418.105	3.180.907.318
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.402.418.105	3.180.907.318
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	765.544.074	715.704.147
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.438.382	16.438.382
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	160,41	149,97

(*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho kỳ hoạt động từ 20/01/2015 đến 31/12/2015 được điều chỉnh do loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được trích theo Biên bản cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên ngày 29/04/2016.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được tạm tính theo tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 tại Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên ngày 29/04/2016.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	955.595.684	-

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	Năm 2016	Từ 20/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.340.893.850	1.340.893.850

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

UBND tỉnh Hà Tĩnh

Mối quan hệ

Chủ sở hữu phần vốn nhà nước

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu khác	6.396.417.377	8.068.998.961
UBND tỉnh Hà Tĩnh		
<i>Phải thu về trả nợ vay dự án nhà máy theo CV 1182</i>	6.277.759.577	8.068.998.961
<i>Phải thu về trả nợ cho các nhà thầu dự án nhà máy (theo giá trị quyết toán Công trình).</i>	118.657.800	-
Các khoản phải trả khác	220.472.000	-
UBND tỉnh Hà Tĩnh		
<i>Phải trả giá trị thu hồi của các gói thầu thuộc dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên.</i>	220.472.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2016
	VND
Lương	859.763.532
Cộng	859.763.532

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12. trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu/các cổ đông/Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	15.420.279.258	16.761.173.108
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(21.027.773.384)	(4.686.510.787)
Nợ thuần	(5.607.494.126)	12.074.662.321
Vốn chủ sở hữu	180.251.441.276	167.564.727.318
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-3%	7%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.027.773.384	4.686.510.787
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	21.027.946.981	18.672.371.297
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.675.561.543	47.419.410.917
Cộng	88.731.281.908	70.778.293.001
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	15.420.279.258	16.761.173.108
Phải trả người bán và phải trả khác	9.070.341.049	10.595.069.284
Chi phí phải trả	3.636.829.682	4.592.920.518
Cộng	28.127.449.989	31.949.162.910

ƯT
CÔ
CH NH
TỔA
VIỆ
GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30/6/2015 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
EURO (EUR)	6.648.817.801	8.536.917.797	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.861.038.315	5.209.302.734	9.070.341.049
Chi phí phải trả	1.102.315.311	2.534.514.371	3.636.829.682
Các khoản vay	1.340.893.850	14.079.385.408	15.420.279.258
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.572.318.359	7.022.750.925	10.595.069.284
Chi phí phải trả	1.027.795.135	3.565.125.383	4.592.920.518
Các khoản vay	1.340.893.850	15.420.279.258	16.761.173.108

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.027.773.384	-	21.027.773.384
Các khoản đầu tư tài chính	21.027.946.981	-	21.027.946.981
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.504.258.809	5.171.302.734	46.675.561.543
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.686.510.787	-	4.686.510.787
Các khoản đầu tư tài chính	18.672.371.297	-	18.672.371.297
Phải thu khách hàng và phải thu khác	40.434.659.992	6.984.750.925	47.419.410.917

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2015 đến 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội và không so sánh được do khác kỳ báo cáo.

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Kế toán trưởng



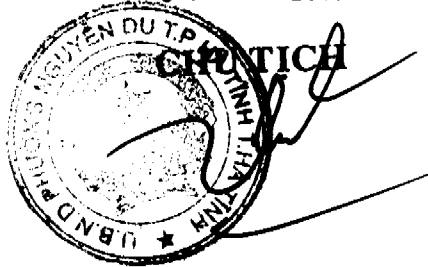
Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VÀ ĐẲNG ĐANG CHỨNG BẰNG
Số chứng thực.....Quyền số.....-SCT/BS

30-11-2018



Nguyễn Đăng Long

